TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/DS-PT
Ngày 17-8-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Hoàng Văn Thụ

Các Thẩm phán: Vi Khánh Dần, Tô Thị Thùy Ngân

- Thư ký phiên tòa: Lục Trường Anh - Thư ký viên Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông: Nguyễn Đăng D, sinh năm 1955
Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

Bị đơn: Nông Thị H sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

+ Ông: Nông Văn S, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng, có mặt.

+ Ông: Phùng Đình S, chuyên viên pháp lý Công ty Luật TNHH đầu tư quốc tế An Phát – thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội, Địa chỉ trụ sở: tầng 2, tầng 3 số nhà 38, ngách 124/35 phố M, tổ dân phố 1, phường X, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Người kháng cáo: Bị đơn Nông Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Nguyễn Đăng D trình bày:

Trong năm 2020, bà Nông Thị H có vay của tôi 550.000.000,đ *(năm trăm năm mươi triệu đồng)* để đầu tư làm công trình Hợp tác xã tăm đũa tre. Ngày 25/9/2021 bà H có viết giấy cam kết hẹn đến ngày 30/01/2022 trả đủ 550.000.000,đ tiền gốc và chốt lãi từ ngày trả tiền gốc. Tuy nhiên đến nay bà H chưa trả tiền, do đó tôi khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho tôi 550.000.000,đ tiền gốc, còn tiền lãi được tính như sau: Lãi trong hạn từ ngày 30/01/2020 đến ngày 30/01/2022 là 1,5%/tháng x 24 tháng = 198.000.000,đ; Lãi quá hạn kể từ ngày 30/01/2022 đến ngày toà án xét xử là 18% x 44 tháng = 435.600.000,đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.183.600.000,đ (Một tỷ một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng.

Tôi đã giao nộp cho Tòa án 03 bản hợp đồng vay tiền mặt và "*Giấy cam kết*" trả tiền do bà Nông Thị H ký tên để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và tôi đề nghị buộc bà H phải trả lại cho tôi số tiền đã vay theo "Giấy cam kết" do bà H ký và viết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai, phía bị đơn Nông Thị H trình bày:

Trong những năm 2018, 2019, 2020 do không có tiền trả Ngân hàng nên tôi có vay tiền ông Nguyễn Đăng D nhiều lần, mỗi lần vay đều có hợp đồng và lãi suất thoả thuận là 5.000,đ/01 triệu/01 ngày, nếu trả chậm quá 03 ngày thì lãi phạt là 7.000,đ/01 triệu/01 ngày và cộng vào tiền gốc. Tôi chỉ được vay số tiền ít hơn so với giấy cam kết, nhưng do lãi suất cao quá "*lãi mẹ đẻ lãi con*" nên tôi đã phải nộp lãi phạt rất nhiều, toàn bộ tiền lãi được ghi vào mặt sau của hợp đồng vay. Đến cuối năm 2020 do số tiền lãi tăng cao quá, nên tôi được ông D cho tôi viết "giấy cam kết" là tôi còn nợ số tiền là 550.000.000,đ, nhưng thực tế đó là tiền lãi. Do một mình hoang mang nên ông D cho tôi viết thì tôi viết chứ thực tế tôi không được lấy tiền nữa lý do là tôi không có khả năng trả lãi. Tuy nhiên, ngoài trả tiền mặt ra thì ngày 11/09/2020 đến ngày 30/11/2020 tôi đã chuyển khoản trả tiền vào số tài khoản 8310205209848 của ông D gần 500 triệu đồng. Năm 2024 tôi được chị T vợ anh D dùng điện thoại của con trai gọi cho tôi nói là "*Anh D đã bị bắt cùng toàn bộ điện thoại, nếu công an có hỏi thì nói tốt cho anh chị và bảo không được vay tiền đâu nhé*".

Ngày 07/01/2026, tôi có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký đối với 03 Hợp đồng vay tiền kèm theo các tài liệu chứng cứ phục vụ việc giám định và nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

Ngày 12/02/2026, tôi có đơn phản tố như sau: Từ năm 2019, 2020 đến nay ông Nguyễn Đăng D cũng đang nợ tôi với tổng số tiền là 510.000.000,đ, qua các lần tôi chuyển tiền cho ông Nguyễn Đăng D vào tài khoản 8310205029848, cụ thể: Phiếu chứng nhận giao dịch số 973350870354 ngày 28/11/2020 với số tiền 20.000.000 đồng; Phiếu chứng nhận giao dịch số 967719464422 ngày 03/10/2020 với số tiền 20.000.000 đồng; Phiếu chứng nhận giao dịch 967719464422 ngày 03/10/2020 với số tiền 10.000.000 đồng; Phiếu chứng nhận giao dịch số 967719463938 ngày 03/10/2020 với số tiền 20.000.000 đồng; Chứng cứ là Giấy nộp tiền của Agribank năm 2020 với số tiền 30.000.000 đồng; Giấy nộp tiền số 0113436 ngày 30/11/2020 Viettinbank với số tiền 30.000.000 đồng; Ủy nhiệm chỉ ngày 11/09/2020 qua ngân hàng Agribank với số tiền 300.000.000 đồng.

Trong năm 2020 tôi cũng nhiều lần chuyển khoản cho ông Nguyễn Đăng D vào tài khoản số 8310205029848 qua ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện H với số tiền khoảng 80.000.000, đồng (chứng cứ là sổ phụ hoặc lịch sử giao dịch ngân hàng hiện nay Ngân hàng Agribank H đang lưu giữ). Nay tôi yêu cầu được bù trừ nghĩa vụ trả nợ của tôi đối với ông Nguyễn Đăng D với số tiền bù trừ là 510.000.000 đồng. Tôi có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nguyễn Đăng D với số tiền là 40.000.000 đồng.

Ngày 12/02/2026, tôi có đơn đề nghị Toà án tiến hành thu thập lịch sử chứng từ giao dịch người gửi tiền Nông Thị H được thực hiện từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2020 tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện H đến tài khoản số 8310205029848 của ông Nguyễn Đăng D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Đăng D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn yêu cầu phản tố.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 161, 184, 226, 266, 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 149, 166, 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi

suất, phạt vi phạm; Áp dụng điểm đ khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Đăng D. Buộc bị đơn Nông Thị H phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Đăng D số tiền nợ gốc 550.000.000,đ và lãi suất nợ quá hạn 301.821.918,đ. Tổng cộng là 851.821.918,đ *(Bằng chữ: Tám trăm năm mươi mốt triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn, vì đây là ý kiến và chứng cứ phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có giá trị bù trừ nghĩa vụ.

Ngoài ra bản sơ thẩm còn tuyên về phần nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Đăng D không kháng cáo bản án. Ngày 08/6/2026 bị đơn Nông Thị H đã kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh từ 03 Hợp đồng vay tiền mặt đã ký kết theo quy định của pháp luật; Xác định đúng dư nợ của bên vay trong quá trình thực hiện 03 Hợp đồng vay để bù trừ và xác định đúng số tiền mà bên vay có nghĩa vụ trả nợ còn thiếu và nghĩa vụ chậm trả của bên vay theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm : Nguyên đơn Nguyễn Đăng D đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nông Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm cảu Tòa án khu vực 2 - Cao Bằng. Bị đơn Nông Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án :

+ Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập, giao nộp chứng cứ và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ

thẩm. Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung kháng cáo: Giấy cam kết do Nông Thị H viết ngày 25/09/2021 khẳng định "*tôi có được vay ông Nguyễn Đăng D số tiền là 550.000.000 đồng, vay từ ngày 30/11/2020 để làm công trình HTX tăm đũa tre tại địa chỉ N, K, T, nay chưa có tiền trả anh D, nay viết giấy cam kết với anh D đến ngày 30/01/2022 trả đủ cho anh D đủ gốc và đồng thời chốt lãi từ ngày trả gốc. Tôi làm giấy này tự nguyện không ép buộc*".

Số tiền vay được thể hiện qua 03 hợp đồng vay, này 11/9/2020 là 200 triệu, lãi xuất 1,5%/tháng; Ngày 09/10/2020 vay 150 triệu, lãi xuất 1,5%/tháng; Ngày 30/11/2020 vay 200 triệu, lãi thỏa thuận. Tổng cộng bà H đã vay ông D 550 triệu đồng. Bà Nông Thị H có đơn yêu cầu phản tố, tuy nhiên các giao dịch của bà Nông Thị H chuyển tiền cho ông Nguyễn Đăng D thể hiện đều là các mốc thời gian trước khi viết giấy cam kết ngày 25/9/2021.

Bị đơn Nông Thị H tự viết giấy cam kết, quá trình viết là tự nguyện, không bị ép buộc, biên bản lấy lời khai của Nông Thị H hồi 14 giờ ngày 25/3/2026 "*tôi có được vay nợ với ông D, những lần tôi chuyển khoản cho ông D như này là tôi trả tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của ông D*".

Tại biên bản lấy lời khai của Nông Thị H ngày 09/02/2026, bà H có khẳng định "*Tôi công nhận chữ ký viết trên hợp đồng vay tiền là của tôi nhưng tôi yêu cầu giám định là do chữ ký chữ viết đó với nội dung hợp đồng vay tiền mặt không cùng màu mực với nhau. Khi viết giấy cam kết chỉ có hai người tôi với ông D, khi tôi viết không bị ép buộc*".

Trong nội dung đơn kháng cáo, bà Nông Thị H yêu cầu cấp phúc thẩm xác định đúng dư nợ của bên vay trong quá trình thực hiện 03 hợp đồng vay để bù trù và xác định đúng số tiền mà bên vay có nghĩa vụ trả nợ do trả nợ còn thiếu và nghĩa vụ chậm trả của bên vay theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, qua đối chiếu nhận thấy tất cả các giao dịch chuyển khoản của bà Nông Thị H chuyển cho ông Nguyễn Đăng D đều được thực hiện trước ngày bà H viết giấy cam kết là ngày 25/9/2021. Giấy cam kết mặc dù là chỉ có 1 mình bà Nông Thị H ký tên nhưng thể hiện như văn bản chốt nợ, trong nội dung giấy cam kết chính bản thân bà H khẳng định chưa có tiền trả anh D và hứa hẹn cam kết ngày 30/01/2022 trả đủ cho anh D đủ gốc và đồng thời chốt lãi từ ngày trả gốc. Giấy cam kết do bà H trực tiếp viết và tự nguyện ký.

Về lãi suất: Khi lập hợp đồng vay tiền và khi ký giấy cam kết giữa ông Nguyễn Đăng D và bà Nông Thị H có thoả thuận về lãi suất nhưng không rõ ràng, nay có sự tranh chấp về mức lãi suất cho vay, do đó áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết đối với phần lãi do chậm trả tiền là có căn cứ, cụ thể:

Nợ gốc là 550.000.000đ. Tính lãi suất từ ngày 30/11/2020 đến ngày xét xử (ngày 26/5/2026) là 2.003 ngày là 550.000.000đ x 10%/365 x 2.003 ngày = 301.821.918 đồng. Như vậy bà Nông Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Đăng D số tiền gồm: Nợ gốc: 550.000.000 đồng. Tiền lãi *(từ ngày 30/11/2020 đến ngày 26/05/2026)* là301.821.918đồng.

Tổng cộng cả (gốc + lãi) = 851.821.918 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nông Thị H khẳng định bà tự tay viết và được ký giấy cam kết nhưng không được nhận số tiền vay. Tuy nhiên điều này mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản thân bà H đã tự tay viết và kí giấy cam kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nông Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Đăng D đồng ý với quyến định của bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 26/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng; Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đảm bảo quyền lợi cho bà Nông Thị H.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo và các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, đúng thời hạn nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về nội dung tranh chấp và tài liệu chứng cứ: Xét yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn về khoản tiền gốc là có căn cứ, vì:

- "Giấy cam kết" lập ngày 25/9/2021 do bà Nông Thị H tự viết, tự ký có nội dung: "*Bà Nông Thị H còn nợ ông Nguyễn Đăng D 550 triệu từ ngày 30/11/2020, hẹn đến ngày 30/01/2022 trả đủ tiền gốc, đồng thời chốt lãi từ ngày trả gốc. Tôi làm giấy này là tự nguyện, không ép buộc*". Bản chất của sự việc là bà H xác nhận còn nợ ông D 550 triệu kể từ ngày 30/11/2020, số tiền nợ này có nguồn gốc từ 03 hợp đồng vay tiền mặt lập các ngày 11/9/2020, 09/10/2020, 30/11/2020 giữa bên cho vay là ông Nguyễn Đăng D và bên vay là bà Nông Thị H và hẹn đến ngày 30/01/2022 thì bà H phải trả đủ 550 triệu tiền gốc cho ông D, đồng thời chốt lãi từ ngày trả gốc.

- Tất cả các chứng từ bà Nông Thị H chuyển tiền vào tài khoản 8310205029848 cho ông Nguyễn Đăng D đều có thời gian diễn ra trước ngày lập "**Giấy cam kết**" (***ngày 25/9/2021***). Bà H cũng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh khi viết, ký "Giấy cam kết" đã bị lừa dối, ép buộc. Điều đó phù hợp với lời khai của ông D là các mã chuyển khoản là bà H chuyển trả tiền cho các khoản vay trước đó, đồng thời cũng khớp với lời khai của bà H là từ những năm 2018, 2019, 2020 đã vay tiền với ông D.

- Ông Nguyễn Đăng D khởi kiện ngày 17/11/2025 đối với "Giấy cam kết" lập ngày 25/9/2021 thì đã quá thời hiệu 03 năm của hợp đồng vay tài sản (tính kể từ ngày bà H cam kết trả nợ 30/01/2022), tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nông Thị H thừa nhận mình có vay tiền và còn nợ tiền ông D, bà H và Trợ giúp viên pháp lý cũng không có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, do đó nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện. Trong trường hợp này thời hiệu khởi kiện được tính lại theo điểm a, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "*a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện*" và Tòa án không tự mình áp dụng thời hiệu khởi kiện và cũng không được phép giải thích cho đương sự quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu vì sẽ vi phạm quy định tại Điều 149 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét về lãi suất do nguyên đơn yêu cầu đối với bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cách tính lãi suất số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đối với bị đơn là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong 03 bản Hợp đồng vay tiền mặt: Ngày 07/01/2026 bà Nông Thị H có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký

đối với 03 Hợp đồng vay tiền mặt. Tại bản kết luận số 54/KL-KTHS ngày 28/01/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: "***Chữ ký, chữ viết đứng tên Nông Thị H dưới mục "Bên vay" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 là chữ ký, chữ viết trực tiếp do cùng một người ký và viết ra***".

Như vậy 03 Hợp đồng vay tiền mặt lập các ngày 11/9/2020, 09/10/2020, 30/11/2020 giữa bên cho vay là ông Nguyễn Đăng D và bên vay là bà Nông Thị H do bà Nông Thị H được ký và viết trực tiếp và hoàn toàn tự nguyện.

[3] Xét đơn khởi kiện phản tố và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn: Bà H cho rằng trong năm 2019, 2020 và đến nay ông D cũng nợ bà 510.000.000,đ bằng chứng là các chứng từ chuyển tiền cho ông Nguyễn Đăng D vào tài khoản 8310205029848 nhưng không có giá trị phản bác lại nội dung "Giấy cam kết" lập ngày 25/9/2021 vì tại bản khai (Bút lục số 108) bà H khai nhận những chứng từ chuyển tiền cho ông Nguyễn Đăng D vào tài khoản 8310205029848 (Bút lục 37, 38, 39, 40 và 105) là để "*trả tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của ông D*", chứ không phải là cho ông D vay, đồng thời ông D cũng khai nhận những chứng từ chuyển tiền mà bà H liệt kê trong "Đơn khởi kiện phản tố" là "*trả nợ cho những lần vay trước*" nên không liên quan đến 03 hợp đồng vay tiền mặt lập các ngày 11/9/2020, 09/10/2020, 30/11/2020, do đó không được coi là Đơn yêu cầu phản tố, mà là ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án xác định thụ lý Đơn yêu cầu phản tố là chưa chính xác, tuy nhiên chưa phát sinh hậu quả pháp lý của việc thụ lý Đơn yêu cầu phản tố.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì không có căn cứ.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Nông Thị H, đề nghị áp dung khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 26/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nông Thị H, do đó bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bị đơn là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nông Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng.

2. Buộc bị đơn Nông Thị H phải trả tiền gốc và tiền lãi cho ông Nguyễn Đăng D tổng số tiền 851.821.918,đồng *(Bằng chữ: Tám trăm năm mươi mốt triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng).*

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn Nông Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- TAND Khu vực 2 – Cao Bằng;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Thụ